TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 211/2020/DS - PT Ngày: 31-03-2020 V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: Ông Trương Việt Hồng
Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 615/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 473/2019/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2020/QĐ - PT ngày 15 tháng 01 năm 2020, các Quyết định hoãn phiên tòa số 973/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2020 và số 2118 /2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn K, cư trú tại số 131/2 đường B, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Kim D, cư trú tại số 17 đường P, phường U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hoàng T, cư trú tại số 17 đường P, phường U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn – bà Nguyễn Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Mai Văn K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Kim D là đối tác làm ăn với nhau từ năm 2012, theo đó ông nhận dịch vụ làm chứng chỉ hành nghề trong hoạt động xây dựng cho cá nhân, tổ chức. Sau đó, ông giao lại cho bà D làm. Do chỗ làm ăn quen biết nên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng. Sau khi nhận tiền bà D cam kết trong hạn 30 ngày sẽ có chứng chỉ, nếu không làm được bà sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận. Từ năm 2017 đến năm 2018 ông giao cho bà D thực hiện 19 hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề cho 19 công ty và giao cho bà D số tiền 750.000.000 đồng. Số tiền này được giao làm nhiều lần bằng hình thức nhận trực tiếp hoặc chuyển khoản. Sau khi 19 hồ sơ này không làm được, ngày 25/12/2017 ông lập biên bản tổng hợp danh sách công nợ chứng chỉ năng lực công ty gồm 19 hồ sơ bà D ký nhận tổng số tiền 750.000.000 đồng. Sau nhiều lần thỏa thuận việc trả tiền, bà D nhờ chồng là ông Nguyễn Hoàng T chuyển trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản. Số tiền còn lại bà D hứa trả vào ngày 30/4/2018 số tiền 200.000.000 đồng và ngày 30/5/2018 trả hết số tiền còn lại là 350.000.000 đồng theo biên bản làm việc ngày 7/3/2018. Nhưng sau đó bà D không thực hiện mà cố tình trốn tránh. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả lại cho ông số tiền 550.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông rút lại yêu cầu tính lãi đối với bà D.

Bị đơn bà Nguyễn Kim D vắng mặt nên không ghi được ý kiến của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Kim D, trong quá trình chung sống ông biết bà D có làm ăn với ông Mai Văn K và nợ ông K một số tiền nhưng ông không biết rõ là bao nhiêu. Bà D có nhờ ông chuyển cho ông K số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ cho ông K. Ông chỉ biết sự việc như vậy và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 473/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn K.

Bà Nguyễn Kim D có trách nhiệm trả cho ông Mai Văn K số tiền đã nhận làm dịch vụ 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hủy bỏ giao dịch làm chứng chỉ năng lực công ty cho 19 hồ sơ được thỏa thuận giữa ông Mai Văn K và bà Nguyễn Kim D.

Đình chỉ xét xử việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

2. Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng. Hoàn lại cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.268.580 (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm tám mươi) đồng theo biên lai nộp tiền số AA/2018/0000154 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, bà Nguyễn Kim D có đơn kháng cáo xin trả tiền cho ông K trong thời hạn 12 tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 550.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 550.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử chấp nhận: sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

[3] Về án phí :

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn chịu là 26.000.000 đồng; hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 513, 516 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử

Sửa Bản án sơ thẩm số 473/2019/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Kim D có trách nhiệm trả cho ông Mai Văn K số tiền đã nhận làm dịch vụ 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng trong thời hạn 03 (Ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hủy bỏ giao dịch làm chứng chỉ năng lực công ty cho 19 hồ sơ được thỏa thuận giữa ông Mai Văn K và bà Nguyễn Kim D.

Đình chỉ xét xử việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim D phải chịu 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng.

Hoàn lại cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.268.580 (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm tám mươi) đồng theo biên lai nộp

tiền số AA/2018/0000154 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim D phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0025028 ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thự hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS quận G;
- TAND quận G;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Thương